|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH TRÀ VINH |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

QUY CHẾ

Quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu

chứng thực, công chứng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

*(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm trong công tác quản lý, cung cấp thông tin, tiếp nhận, cập nhật, khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp thông tin, tiếp nhận, cập nhật, khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng* là hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật về công chứng, chứng thực.

2. *Thông tin ngăn chặn* là thông tin bằng văn bản do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành yêu cầu không thực hiện hoặc tạm dừng thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản.

*Văn bản ngăn chặn* là căn cứ pháp lý để công chứng viên, công chức Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét không thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. *Thông tin giải tỏa ngăn chặn* là thông tin bằng văn bản do chính cơ quan, tổ chức đã có yêu cầu ngăn chặn trước đây phát hành văn bản hủy bỏ việc ngăn chặn đó hoặc của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền yêu cầu trong trường hợp pháp luật có quy định.

4. *Thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản* là thông tin do các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã đã thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

5. *Quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu* *chứng thực, công chứng* là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về chứng thực, công chứng trong quá trình cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động nghiệp vụ chứng thực, công chứng của các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

6. *Khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu* *chức thực, công chứng* là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được phép khai thác, sử dụng các thông tin từ Hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện việc công chứng, chứng thực theo quy định.

7. *Tài khoản* là những thông số nhất định mà người quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng được cơ quan có thẩm quyền cấp để truy cập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng bao gồm tên người sử dụng và mật khẩu.

8. *Người quản trị Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng* là người được Giám đốc Sở Tư pháp giao nhiệm vụ thực hiện việc quản trị, quản lý việc vận hành, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Việc cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phải bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác.

2. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

3. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân có liên quan được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Việc nhập, chỉnh sửa, xóa thông tin phải ghi nhận bằng nhật ký tự động đã được thiết kế sẵn để theo dõi, quản lý, sử dụng trong Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

5. Thông tin nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phải sử dụng bộ mã ký tự chữ Việt Unicode, các chương trình kiểm tra và diệt vi rút phải là chương trình có bản quyền và phải được cài đặt trực tiếp trên các thiết bị truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu.

6. Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phải đúng mục đích, yêu cầu nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giao, không sử dụng vào những mục đích trái pháp luật.

7. Tất cả các thông tin về hợp đồng, giao dịch đã được người có thẩm quyền công chứng, chứng thực và các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn phải được cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng kịp thời, đầy đủ, chính xác.

8. Cá nhân, cơ quan, tổ chức được cấp tài khoản, mật khẩu sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng chứng năng, nhiệm vụ được giao, bảo mật tài khoản, mật khẩu được cấp và chịu trách nhiệm về việc sử dụng tài khoản, mật khẩu đó trong việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

**Điều 4. Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản và khóa tài khoản truy cập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Sở Tư pháp có thẩm quyền và trách nhiệm cấp, cấp lại tài khoản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện trong hoạt động công chứng, chứng thực, công tác quản lý nhà nước và các hoạt động tố tụng khi có yêu cầu.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản, mật khẩu sử dụng có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về sử dụng tài khoản, mật khẩu được cấp trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng; cập nhật kịp thời, đầy đủ các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã được công chứng, chứng thực vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

3. Tài khoản truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng đã được cấp sẽ bị khóa, tạm dừng hoạt động hoặc thay đổi trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản đối với trường hợp cá nhân làm việc của cơ quan, tổ chức được cấp tài khoản chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc, chết.

b) Tổ chức hành nghề công chứng đã chuyển đổi, chuyển nhượng, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động; tổ chức hành nghề công chứng cố ý không thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác việc nhập thông tin hợp đồng, giao dịch đã công chứng vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

c) Cá nhân được cấp tài khoản vi phạm quy định tại Điều 5 và quy định khác tại Quy chế này.

4. Phạm vi khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng của các tài khoản căn cứ vào quyền và trách nhiệm của cá nhân sử dụng tài khoản quy định tại Quy chế này.

**Điều 5. Những hành vi nghiêm cấm**

1. Tiết lộ thông tin, để người khác sử dụng tài khoản của mình truy cập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng hoặc sử dụng tài khoản của người khác để truy cập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

2. Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng làm biến dạng giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu, thay đổi quy trình quản lý, khai thác, sử dụng hay bất kỳ hành vi nào khác tác động đến hoạt động hoặc thông tin có trong Hệ thống cơ sở dữ liệu.

3. Sử dụng các dữ liệu và thông tin trong Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng vào những mục đích trái pháp luật, mục đích khác không phục vụ cho hoạt động công chứng, chứng thực của tổ chức mình hoặc hoạt động quản lý Nhà nước về công chứng, chứng thực.

4. Sử dụng hoặc tiết lộ các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

5. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

6. Các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Sao lưu**

1. Việc sao lưu dữ liệu, các phiên bản của Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng và chương trình máy tính khác có chứa cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực phải được thực hiện thường xuyên định kỳ 01 tháng/lần.

2. Thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, thông tin về hợp đồng, giao dịch phải được lưu trữ, bảo quản cẩn thận, có hệ thống và bảo mật.

3. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và tổ chức có liên quan tổ chức việc sao lưu, lưu trữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực, công nghệ thông tin và pháp luật về lưu trữ.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**CUNG CẤP, TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ, CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA**

**THÔNG TIN NGĂN CHẶN, GIẢI TỎA NGĂN CHẶN**

**VÀO HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CHỨNG THỰC, CÔNG CHỨNG**

**Điều 7. Cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đến Sở Tư pháp cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền đối với các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm dịch chuyển quyền về tài sản, cấm thay đổi hiện trạng tài sản đối với tài sản đang tranh chấp do tòa án thụ lý và các quyết định thay đổi, bổ sung, hủy bỏ các quyết định trên.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền các quyết định kê biên tài sản trong giai đoạn truy tố và quyết định hủy bỏ quyết định trên.

3. Công an tỉnh, Công an các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền đối với ngăn chặn giao dịch các trường hợp giả mạo người, giả mạo giấy tờ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các vụ việc ngăn chặn khác theo quy định pháp luật.

4. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền về việc áp dụng biện pháp chấm dứt, tạm dừng việc đăng ký tạm dừng, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản; kê biên, giải tỏa kê biên tài sản thi hành án dân sự.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền về các trường hợp sau:

a) Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

b) Hủy, mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

c) Mất phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các trường hợp khác cần cung cấp thông tin.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chỉ đạo cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện kịp thời cung thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền về các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

 7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn bằng văn bản gửi Sở Tư pháp chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc sau khi ban hành văn bản. Sở Tư pháp chỉ cập nhật thông tin ngăn chặn và giải tỏa ngăn chặn vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng khi nhận được văn bản cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

8. Các cơ quan, tổ chức có liên quan, các tổ chức hành nghề công chứng khi nhận được văn bản cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin nhưng khi tra cứu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng chưa thấy các thông tin này trên Hệ thống cơ sở dữ liệu, phải chủ động báo ngay cho Sở Tư pháp để đối chiếu, cập nhật kịp thời.

9. Khi có các thông tin liên quan đến việc công chứng, chứng thực đồng, giao dịch (có hành vi giả mạo người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch, lừa đảo tài sản; hủy bỏ, chấm dứt, đơn phương chấm dứt ủy quyền liên quan đến tài sản; bỏ sót người thừa kế và các thông tin khác có liên quan), các cơ quan có liên quan và các tổ chức hành nghề công chứng cần phối hợp chia sẻ các thông tin này đến Sở Tư pháp để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

**Điều 8. Tiếp nhận, quản lý thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Sở Tư pháp tiếp nhận các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn về tài sản do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng gồm:

a) Thông tin về việc thụ lý và kết quả giải quyết tranh chấp đất đai, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp cưỡng chế liên quan đến tài sản bị hạn chế hoặc cấm dịch chuyển quyền về tài sản do Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

b) Thông tin ngăn chặn giao dịch đối với các trường hợp giả mạo người, giả mạo giấy tờ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các vụ việc ngăn chặn khác do Công an tỉnh, Công an các huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

c) Thông tin về việc áp dụng biện pháp tạm dừng, chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản; kê biên, giải tỏa kê biên tài sản thi hành án dân sự do Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

d) Thông tin về thụ lý và kết quả giải quyết tranh chấp đất đai do Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, Chi cục Thuế, cơ quan thanh tra cấp huyện, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp.

đ) Thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp theo quy định pháp luật.

2. Thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và văn bản trao đổi thông tin khác có liên quan được lưu trữ, bảo quản tại Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

**Điều 9. Cập nhật thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc khi tiếp nhận thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật đầy đủ và chính xác các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng (trừ những trường hợp bất khả kháng, ngày nghỉ theo quy định pháp luật).

3. Trường hợp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đã có trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng, Sở Tư pháp phải tiến hành kiểm tra lại và đối chiếu thông tin như sau:

a) Nếu thông tin đã có không phù hợp với thông tin ngăn chặn mới nhận được thì phải nhập thông tin ngăn chặn vào Hệ thống cơ sở dữ liệu.

b) Nếu thông tin giải tỏa ngăn chặn đúng với thông tin đã có thì thực hiện giải tỏa ngăn chặn.

c) Nếu thông tin giải tỏa ngăn chặn không đúng với thông tin đã có thì chuyển trả văn bản đã nhận cho cơ quan, tổ chức gửi thông tin giải tỏa ngăn chặn và phải nêu rõ lý do không chấp nhận.

4. Khi phát hiện những điểm bất hợp lý về thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, Sở Tư pháp phải xử lý và có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp bổ sung thông tin kịp thời.

**Điều 10. Chỉnh sửa các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đã nhập Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Việc chỉnh sửa các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đã nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chỉ được thực hiện đối với các sai sót về kỹ thuật trong văn bản (sai sót do ghi chép, đánh máy, in ấn) trong quá trình nhập thông tin.

2. Trường hợp sai sót kỹ thuật được phát hiện trong quá trình nhập thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu nhưng chưa được đăng tải đồng bộ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu thì bộ phận quản trị chủ động cập nhật, chỉnh sửa cho đúng với thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn.

3. Trường hợp sai sót về kỹ thuật được phát hiện sau khi thông tin đã được đồng bộ lên Hệ thống cơ sở dữ liệu, công chức phụ trách quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu phát hiện thông tin sai phải báo cáo lãnh đạo Sở Tư pháp phụ trách để kiểm tra, phê duyệt việc chỉnh sửa sai sót cho chính xác với thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn.

**Mục 2**

**QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN**

**TRONG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC**

**Điều 11. Trách nhiệm nhập thông tin hợp đồng, giao dịch đã công chứng, chứng thực vào Hệ thống vơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cập nhật thông tin về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, chứng thực tại đơn vị mình vào Hệ thống cơ sở dữ liệu. Thời gian nhập thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi hợp đồng, giao dịch được công chứng, chứng thực.

2. Nội dung thông tin cơ bản của hợp đồng, giao dịch được cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng do Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện:

a) Các trường thông tin có gắn dấu \* trong cơ sở dữ liệu là yêu cầu bắt buộc phải cập nhật.

b) Đối với thông tin về nhân thân: Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số CMND/CCCD/HC, địa chỉ nơi cư trú của các bên tham gia giao dịch.

c) Đối với thông tin về tổ chức: Tên gọi tổ chức, địa chỉ hoạt động và người đại diện (nếu có), mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập.

d) Đối với thông tin về tài sản là bất động sản gồm quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Địa chỉ thửa đất, số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích thửa đất, số phát hành các giấy chứng nhận hoặc số vào sổ cấp giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.

đ) Đối với thông tin là động sản có đăng ký và tài sản khác gồm số đăng ký tài sản, số giấy chứng nhận, giấy đăng ký tài sản, mã số giấy tờ, ngày cấp và các thông tin mô tả về tài sản trên các giấy tờ chứng minh quyền tài sản (nếu có).

e) Đối với thông tin về hợp đồng giao dịch cần phải nhập: Tên loại hợp đồng, giao dịch, số công chứng hoặc chứng thực, ngày công chứng hoặc chứng thực.

g) Các thông tin khác có liên quan.

3. Trường hợp cập nhật không kịp thời, không đầy đủ, không chính xác dẫn đến phát sinh hậu quả pháp lý thì tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật. Mọi sự thay đổi nội dung thông tin cũng phải được cung cấp, cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngay sau khi có sự thay đổi.

4. Thông tin về hợp đồng, giao dịch nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu là cơ sở để Sở Tư pháp thống kê, đối chiếu với báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, hàng năm của các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan thực hiện chứng thực.

**Điều 12. Trách nhiệm tra cứu thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu trước khi chứng thực, công chứng**

1. Trước khi ký công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản hoặc tài sản là động sản có đăng ký, công chứng viên, công chức làm công tác chứng thực phải có trách nhiệm trực tiếp tra cứu Hệ thống cơ sở dữ liệu để kiểm tra về tình trạng của tài sản.

2. Quy trình tra cứu thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật của đơn vị cung cấp phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu và cán bộ quản trị Hệ thống cơ sở dữ liệu.

3. Xử lý kết quả tra cứu thông tin từ Hệ thống cơ sở dữ liệu. Kết quả tra cứu từ Hệ thống cơ sở dữ liệu là nguồn thông tin để công chứng viên, công chức làm công tác chứng thực kiểm tra, xem xét trước khi quyết định công chứng, chứng thực hoặc tạm dừng thực hiện việc công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch về tài sản đó như sau:

a) Nếu tài sản có trong danh sách ngăn chặn thì không thực hiện việc công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch về tài sản bị ngăn chặn.

b) Nếu phát hiện tài sản có thông tin bị trùng về số phát hành, số vào sổ cấp giấy chứng nhận, số thửa đất, số tờ bản đồ, địa chỉ thửa đất, diện tích thửa đất, thông tin của người sở hữu, sử dụng tài sản hoặc trong trường hợp phát sinh tình huống cụ thể khác, các tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch báo cáo kịp thời về Sở Tư pháp để được hướng dẫn.

**Điều 13. Trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng**

1. Các tổ chức hành nghề công chứng được thành lập, khi đề nghị cấp giấy đăng ký hoạt động phải đăng ký tham gia vào Hệ thống cơ sở dữ liệu để khai thác, sử dụng tại tổ chức mình.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động phải đăng ký tham gia khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch tài sản theo quy định pháp và trả chi phí khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu theo giá thỏa thuận hợp đồng với bên tư vấn xây dựng phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu để bảo trì, nâng cấp và vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

3. Các Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân cấp xã trên địa bàn tỉnh được khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện chứng thực theo thẩm quyền.

4. Sở Tư pháp được khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh.

5. Cơ quan, tổ chức có liên quan được khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật khi được sự đồng ý của Sở Tư pháp.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng; tiếp nhận, cập nhật thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và các thông tin khác vào Hệ thống cơ sở dữ liệu bảo đảm kịp thời, chính xác; cấp, khóa tài khoản đăng nhập và phân quyền cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Cung cấp thông tin thuộc Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, tuy tố, xét xử và yêu cầu cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về chế độ tài chính liên quan đến việc khai thác, sử dụng và duy trì Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan.

5. Thực hiện sao lưu, lưu trữ thông tin định kỳ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu và thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan**

**1. Sở Thông tin và truyền thông**

a) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện đảm bảo đường truyền, kết nối, khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng vận hành thông suốt, liên tục, hiệu quả.

b) Quản lý máy chủ, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa chữa, nâng cấp, duy trì hạ tầng kỹ thuật kết nối, chia sẻ Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng với các cơ sở dữ liệu khác theo quy định pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp tổ chức thực hiện sao lưu, lưu trữ thông tin theo quy định tại Điều 6 Quy chế này; xử lý tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm trong việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu theo Quy chế và quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Kịp thời cung cấp thông tin và chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại khoản 5, khoản 7 Điều 7 Quy chế này gửi Sở Tư pháp cập nhật lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

b) Cung cấp thông tin về việc thụ lý và kết quả giải quyết tranh chấp đất đai do cơ quan mình trực tiếp giải quyết hoặc chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết gửi Sở Tư pháp cập nhật, đăng tải trên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

**3. Sở Xây dựng**

a) Có trách nhiệm cung cấp thông tin theo thẩm quyền về ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn giao dịch tài sản nhà ở và các lĩnh vực khác do ngành quản lý có liên quan đến việc công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch tài sản nhà ở gửi Sở Tư pháp cập nhật thông tin, chỉnh sửa, quản lý thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn tài sản.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan có liên quan thực hiện liên thông cơ sở dữ liệu về nhà ở với với Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng trên địa bàn tỉnh và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan theo quy định.

**4. Công an tỉnh**

Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ trực thuộc, công an các huyện, thị xã, thành phố kịp thời cung thông tin theo thẩm quyền đối với ngăn chặn giao dịch các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này gửi Sở Tư pháp cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

**5. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Tư pháp, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng hoạt động liên tục, hiệu quả.

**6. Thanh tra tỉnh**

Có trách nhiệm cung cấp thông tin và chỉ đạo Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin bằng văn bản theo thẩm quyền về việc thụ lý, kết quả giải quyết tranh chấp đất đai cho Sở Tư pháp cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng

**7. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh**

Cung cấp thông tin và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kịp thời cung cấp các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đối với các loại tài sản trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 7 Điều 7 Quy chế này cho Sở Tư pháp để cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

**Điều 16. Trách nhiệm của Hội Công chứng viên tỉnh**

1. Chủ trì, phối hợp các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh triển khai, quán triệt đến các hội viên, tổ chức hành nghề công chứng tham gia khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phục vụ cho hoạt động công chứng; đảm bảo Hệ thống cơ sở dữ liệu chức thực, công chứng phải được sử dụng thống nhất, đồng bộ tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp Sở Tư pháp thanh tra, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng trong việc khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng để có biện pháp xử lý đối với các hành vi không cập nhật thông tin kịp thời, trung thực, đầy đủ lê Hệ thống cơ sở dữ liệu hoặc có hành vi vi phạm khác liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu làm ảnh hưởng đến hoạt động công chứng, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Phối hợp Sở Tư pháp thực hiện liên thông, kết nối, chia sẻ Hệ thống Cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng với các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, nhà ở… theo quy định pháp luật nhằm làm giàu thông tin cho Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng phục vụ tốt cho hoạt động công chứng.

**Điều 17. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng**

1. Tất cả các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh phải sử dụng thống nhất Hệ thống cơ sở dữ liệu để khai thác, sử dụng trong hoạt động công chứng hợp đồng, giao dịch tại tổ chức mình. Đối với các hợp đồng, giao dịch đã được công chứng trước đây đang lưu trữ tại tổ chức hành nghề công chứng phải có trách nhiệm cập nhật, bổ sung lên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

2. Tổ chức hành nghề công chứng khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng có trách nhiệm trả chi phí cài đặt máy chủ tại tổ chức mình với bên tư vấn cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận; chi trả các chi phí khác liên quan như bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp Hệ thống cơ sở dữ liệu tại tổ chức mình.

3. Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm

a) Bảo đảm cơ sở vật chất máy tính, thiết bị cần thiết, đường truyền để cài đặt, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng; cài đặt chương trình kiểm tra và diệt vi rút trên các thiết bị truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu.

b) Quản lý, phân công công chứng viên hoặc nhân viên nhập thông tin hợp đồng, giao dịch, tra cứu thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu.

c) Quản lý việc khai thác, sử dụng các tính năng của Hệ thống cơ sở dữ liệu được phân quyền phục vụ cho hoạt động công chứng tại tổ chức mình.

d) Chịu trách nhiệm về việc nhập, chỉnh sửa, xóa thông tin đã nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu và tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của thông tin nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu.

đ) Có trách nhiệm bảo quản, bảo mật tài khoản, mật khẩu đã được cấp; kịp thời thay đổi mật khẩu của tài khoản khi có sự điều chỉnh phân công nhiệm vụ cập nhật, tra cứu thông tin hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với công chứng viên, nhân viên đã từng truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu; bảo mật thông tin về tài sản của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

e) Cử công chứng viên, nhân viên tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu.

g) Kịp thời thông tin cho Sở Tư pháp các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu.

**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã**

**1. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, chỉ đạo Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng để thực hiện chứng thực, tra cứu và cập nhật thông tin chứng thực vào Hệ thống cơ sở dữ liệu trước khi chứng thực hợp đồng, giao dịch.

b) Bố trí kinh phí trang bị máy vi tính, trang thiết bị và nâng cấp đường truyền để sử dụng có hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng tại Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã phục vụ tra cứu, cập nhật thông tin về hợp đồng giao dịch tài sản đã được chứng thực theo quy định pháp luật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu.

c) Cung cấp thông tin và chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn cung cấp thông tin theo thẩm quyền về trường hợp ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gửi Sở Tư pháp cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng.

**2. Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản được cấp; quản lý, bảo mật tài khoản đã được cấp; kịp thời thay đổi mật khẩu của tài khoản khi có sự điều chỉnh phân công nhiệm vụ công chức cập nhật, tra cứu thông tin hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với công chức đã từng truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu chức thực, công chứng; bảo mật thông tin về tài sản của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật; thông báo ngay cho Sở Tư pháp nếu để lộ, quên mật khẩu, tên tài khoản hoặc bị khóa để hướng dẫn.

b) Cử công chức hộ tịch, công chức Tư pháp - Hộ tịch tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng do Sở Tư pháp tổ chức.

c) Bố trí công chức hộ tịch, công chức Tư pháp - Hộ tịch cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản đã được chứng thực và chịu trách nhiệm đối với các thông tin đã cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu; tra cứu các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và các thông tin về hợp đồng, giao dịch tài sản trên Hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện chứng thực khi được yêu cầu.

**Điều 19. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thực hiện chứng thực được cấp tài khoản đăng nhập để khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng mà không cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu hoặc cập nhật thông tin không chính xác hoặc có hành vi vi phạm Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý theo quy định pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức có liên quan được cấp tài khoản để khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng có hành vi vi phạm Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị khóa tài khoản hoặc hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Hội công chứng viên tỉnh, Ủy ban nhân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; theo dõi, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Quy chế; kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, đề xuất và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tháo gỡ.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tư pháp để tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.